TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** **TỈNH BT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/04/2024
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thúy Bắc;

Ông Hà Công Tâm.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT *tham gia phiên toà:* ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 04 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Chế L, sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp TT, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT. có mặt.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp TT, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2023 và tại phiên tòa hôm nay bà L trình bày: Vào năm 2022, bà L với ông N qua mai mối, ông bà đồng ý tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã SĐ ngày 07/02/2022. Do trước đây bà L từng ly hôn nên mong muốn tìm một người để sống chung khi về già để chăm sóc lẫn nhau nên bà mới đồng ý kết hôn với ông N. Tuy nhiên, sau khi kết hôn cuộc sống chung của ông bà không được vui vẻ, hạnh phúc. Ông bà không được tìm hiểu kỷ lẫn nhau nên thường xuyên bất hòa do không đồng quan điểm.

Từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên bà L yêu cầu Tòa giải quyết cho bà

được ly hôn với chồng bà là ông N và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Còn đối với bị đơn là ông N mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các chứng cứ kèm theo do nguyên đơn cung cấp; Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông N vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi. Do đó, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà theo qui định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà L, ông N đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Linh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ:

[1] . Về tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Hội đồng xét xử xét thấy, do mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà L có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông N nên đây là vụ kiện: "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông N hiện đang cư trú tại ấp TT, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông N được Tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông theo qui định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét thấy, hôn nhân của bà L, ông N là trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân không có sự ép buộc. Ông bà cũng đã đi đăng ký kết hôn theo đúng qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho rằng quan hệ hôn nhân của bà L với ông N đã có sự phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được là có căn cứ. Bởi lẽ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông N đến để tạo điều kiện hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân của ông bà nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, hôn nhân của ông bà đã có sự rạn nứt và không

thể hàn gắn được. Từ các căn cứ trên, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà L là có cơ sở để chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: bà L cho rằng trong quá trình sống chung ông bà không có con chung nên không xem xét.

[5] Tài sản chung: bà L cho rằng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Nợ chung không có không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Từ các căn cứ trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-BTVQH14 và điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị Chế L được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Chế L không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: không có.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Chế L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền bà L nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0001328, ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang án phí.

- Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị Chế L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

- Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo qui định của pháp luật.

- Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh BT;
- UBND xã SĐ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

LÊ THỊ THÚY HẰNG